

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Em.
- Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay.

Người đại diện theo pháp luật: ông KANOKWATPAISAL NAPAT – chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số 128 Nguyễn Du, phường Bến Thủy, thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn ông Phạm Thanh H.

Địa chỉ liên hệ: khu vực 1, phường A, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là phường VTh, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh Th, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp 9, xã VTh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là xã VTh, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Thanh H (gọi tắt ông H) trình bày:

Căn cứ hợp đồng cầm cố số VTM230301012NA19X ngày 17/03/2023 được ký giữa bà Trần Thị Thanh Th với Công ty Cổ Phần Sawad Tiền Có Ngay - Chi nhánh VTh 1 cụ thể như sau: Bà Trần Thị Thanh Th có cầm cố tài sản cho Công ty Cổ Phần Sawad Tiền Có Ngay - Chi nhánh VTh1 tài sản là: 01 xe máy mang biển số : 95B1-751.87; Loại xe: HONDA; Màu: trắng; Số khung: RLHJF5834KY120550; Số máy: JF86E2184215. Để lấy số tiền là 13.200.000 đồng, thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ 17/03/2023 -17/09/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng khách hàng đã thanh toán được 00/18 kỳ cho Công ty Cổ Phần Sawad Tiền Có Ngay - Chi nhánh VTh1. Ngày 17/04/2023 bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hợp đồng cầm cố. Công ty Cổ Phần Sawad Tiền Có Ngay - Chi nhánh VTh1 đã nhiều lần liên hệ bằng cách: gọi điện, cử nhân viên công ty đến gặp trực tiếp bà Trần Thị Thanh Th thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố của bà Th với công ty.

Theo đơn khởi kiện buộc Bà Trần Thị Thanh Th tất toán số tiền tính từ ngày giải ngân đến ngày 01/08/2025 là 28.333.986 đồng bao gồm:

- + Gốc: 15.296.513 đồng.
- + Nợ lãi trong hạn: 2.041.575 đồng (1.1%/tháng).
- + Nợ lãi quá hạn: 10.995.898 đồng.

Nay Công ty Cổ Phần Sawad Tiền Có Ngay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Thuý trả số tiền là 28.333.986 đồng bao gồm:

- + Gốc: 15.296.513 đồng.
- + Nợ lãi trong hạn: 2.041.575 đồng (1.1%/ tháng).
- + Nợ lãi quá hạn: 10.995.898 đồng.

Các khoản phí khác trong đơn khởi kiện xin rút lại các yêu cầu này, chỉ tính: tiền gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo quy định.

Ngoài ra, bà Trần Thị Thanh Th phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn luôn vắng mặt không có lý do, nên không ghi nhận được ý kiến phản bác hay phản tố gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là doanh nghiệp (có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị

đơn là cá nhân (không có đăng ký kinh doanh) thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ).

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[4.1] Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả lại xe và các khoản phí, chỉ yêu cầu bị đơn bà Th trả số tiền đã nhận cầm cố tài sản, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn với tổng số tiền ở thời điểm hiện tại là 28.333.986 đồng (trong đó dư nợ gốc 15.296.513 đồng, lãi trong hạn 2.041.575 đồng và lãi quá hạn 6.994.787 đồng) (có đính kèm theo bảng tính lãi và các chứng cứ khác có trong hồ sơ).

[4.2] Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản, giấy mượn xe được 02 bên xác lập là hoàn toàn tự nguyện, các giao dịch thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng (như thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, cá khoản phí phát sinh...) là hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự hiện hành, không có thỏa thuận nào trái pháp luật, trái với đạo đức xã hội. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cho hai bên gặp nhau để đối chất, hòa giải làm rõ, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án là đã tự từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh, phản bác ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó Tòa án căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện, đối chiếu vào khoản 4 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ: Tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hợp đồng, lãi suất do các bên thỏa thuận là 1,1%/tháng tương đương 13,2%/năm. Lãi suất thỏa thuận này không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4.4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền dư nợ hiện tại là 28.333.986 đồng theo đúng quy định của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[5.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

[5.2] Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí trên tổng số nợ phải có nghĩa vụ trả nợ được tính như sau: $28.333.986 \text{ đồng} \times 5\% = 1.416.699 \text{ đồng}$.

[5.3] Về chi phí tố tụng khác: chưa phát sinh.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trên theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 309, Điều 310, Điều 117, Điều 312, Điều 313, Điều 314 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay đối với bị đơn Trần Thị Thanh Th.

Buộc bị đơn Trần Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn với tổng số tiền là 28.333.986 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) (trong đó dư nợ gốc 15.296.513 đồng, lãi trong hạn 2.041.575 đồng và lãi quá hạn 6.994.787 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngay sau khi chị Trần Thị Thanh Th thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Cổ phần SAWAD Tiền Có Ngay có trách nhiệm trả lại cho chị Thúy bản chính Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000194, biển số đăng ký 95B1 – 751.87^(T) do Công an xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 13/02/2023, tên chủ xe Trần Thị Thanh Th.

[2] Về Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[2.1] Buộc bị đơn Trần Thị Thanh Th nộp số tiền án phí là 1.416.699 đồng (Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

[2.2] Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008823 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/8/2025), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Tiếp